

Chương V

Vận động của tư bản cá biệt và tái sản xuất tư bản xã hội

I - Vận động của tư bản cá biệt

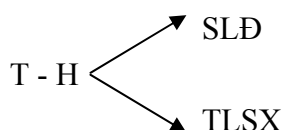
Sản xuất tư bản chủ nghĩa là sự thống nhất biện chứng giữa quá trình sản xuất và quá trình lưu thông. Lưu thông của tư bản, theo nghĩa rộng, là sự vận động của tư bản, nhờ đó mà tư bản lớn lên và thu được giá trị thặng dư. Vận động của tư bản cá biệt xét về mặt chất, đó là tuần hoàn của tư bản; xét về mặt lượng, đó là chu chuyển của tư bản.

1. Tuần hoàn của tư bản

Tư bản công nghiệp (với nghĩa là tư bản trong các ngành sản xuất vật chất) trong quá trình tuần hoàn đều vận động qua ba giai đoạn, tồn tại dưới ba hình thức và thực hiện ba chức năng:

a) Giai đoạn thứ nhất

Nhà tư bản dùng tiền để mua tư liệu sản xuất và sức lao động. Quá trình lưu thông đó được biểu thị như sau:

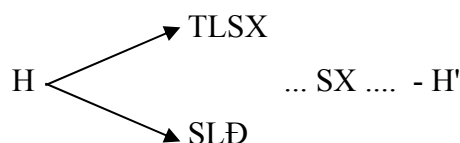


Chức năng giai đoạn này là biến tư bản tiền tệ thành hàng hóa dưới dạng tư liệu sản xuất và sức lao động để đưa vào sản xuất, gọi là tư bản sản xuất.

b) Giai đoạn thứ hai

Nhà tư bản tiêu dùng những hàng hóa đã mua, tức là tiến hành sản xuất. Trong quá trình sản xuất, công nhân hao phí sức lao động, tạo ra giá trị mới, còn nguyên liệu được chế biến, máy móc hao mòn thì giá trị của chúng được bảo tồn và chuyển dịch vào sản phẩm mới. Quá trình sản xuất kết thúc, lao động của công nhân làm thuê đã tạo ra những hàng hóa mới mà giá trị của nó lớn hơn giá trị các yếu tố sản xuất mà nhà tư bản đã mua lúc ban đầu, vì trong đó có giá trị thặng dư do công nhân tạo ra.

Sự vận động của tư bản ở giai đoạn này biểu thị như sau:



Trong công thức này H' chỉ tư bản dưới hình thái hàng hóa mà giá trị của nó

bằng giá trị của tư bản đã hao phí để sản xuất ra nó cộng với giá trị thặng dư.

Kết thúc của giai đoạn thứ hai: tư bản sản xuất chuyển hóa thành tư bản hàng hóa.

c) Giai đoạn thứ ba:

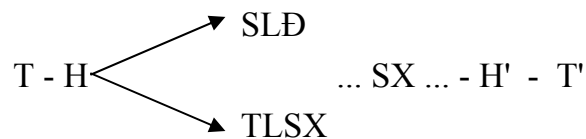
Nhà tư bản trở lại thị trường với tư cách là người bán hàng. Hàng hóa của nhà tư bản được chuyển hóa thành tiền. Công thức vận động của tư bản ở giai đoạn thứ ba biểu thị như sau:

$$H' - T'$$

Kết thúc giai đoạn ba, tư bản hàng hóa chuyển hóa thành tư bản tiền tệ. Đến đây mục đích của nhà tư bản đã được thực hiện, tư bản quay trở lại hình thái ban đầu trong tay chủ của nó, nhưng với số lượng lớn hơn trước.

Số tiền bán hàng hóa đó, nhà tư bản lại đem dùng vào việc mua tư liệu sản xuất và sức lao động cần thiết để tiếp tục sản xuất và toàn bộ quá trình trên được lặp lại.

Tổng hợp quá trình vận động của tư bản công nghiệp trong cả ba giai đoạn ta có sơ đồ sau đây:



Trong sơ đồ này, với tư cách là một giá trị, tư bản đã trải qua một chuỗi biến hoá hình thái có quan hệ với nhau, quy định lẫn nhau. Trong các giai đoạn đó, có hai giai đoạn thuộc lĩnh vực lưu thông và một giai đoạn thuộc lĩnh vực sản xuất.

Tuần hoàn của tư bản là sự vận động của tư bản trải qua ba giai đoạn, lần lượt mang ba hình thái, thực hiện ba chức năng rồi trở về hình thái ban đầu với giá trị không chỉ được bảo tồn mà còn tăng lên.

Tuần hoàn của tư bản chỉ có thể tiến hành bình thường trong điều kiện các giai đoạn khác nhau của nó không ngừng được chuyển tiếp. *Mặt khác*, tư bản phải nằm lại ở mỗi giai đoạn tuần hoàn trong một thời gian nhất định. Vì vậy, sự vận động tuần hoàn của tư bản là sự vận động liên tục không ngừng; đồng thời là sự vận động đứt quãng không ngừng.

Phù hợp với ba giai đoạn tuần hoàn của tư bản có ba hình thái của tư bản công nghiệp: tư bản tiền tệ, tư bản sản xuất và tư bản hàng hóa.

Để tái sản xuất diễn ra một cách bình thường thì tư bản xã hội cũng như từng tư bản cá biệt đều tồn tại cùng một lúc dưới cả ba hình thái. Tái sản xuất của mọi doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa trong cùng một lúc đều gồm có: tư bản tiền tệ

chi ra để mua tư liệu sản xuất và sức lao động; tư bản sản xuất dưới hình thái tư liệu sản xuất và sức lao động đang hoạt động; tư bản hàng hóa sắp đưa ra bán. Đồng thời, trong lúc một bộ phận của tư bản là tư bản tiền tệ đang biến thành tư bản sản xuất, thì một bộ phận khác là tư bản sản xuất đang biến thành tư bản hàng hóa và bộ phận thứ ba là tư bản hàng hóa đang biến thành tư bản tiền tệ. Mỗi bộ phận ấy đều lần lượt mang lấy và trút bỏ một trong ba hình thái đó.

Ba hình thái của tư bản không phải là ba loại tư bản khác nhau, mà là ba hình thái của một tư bản công nghiệp biểu hiện trong quá trình vận động của nó. Song cũng trong quá trình vận động ấy đã chứa đựng khả năng tách rời của ba hình thái tư bản. Trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, khả năng tách rời đó đã làm xuất hiện tư bản thương nghiệp và tư bản cho vay, hình thành các tập đoàn khác nhau trong giai cấp tư bản: chủ công nghiệp, nhà buôn, chủ ngân hàng... chia nhau giá trị thặng dư.

2. Chu chuyển của tư bản

Chu chuyển của tư bản là sự tuần hoàn của tư bản nếu xét nó là một quá trình định kỳ đổi mới, và lặp đi lặp lại không ngừng. Chu chuyển của tư bản nói lên tốc độ vận động của tư bản cá biệt.

a) Thời gian chu chuyển của tư bản

Thời gian tư bản thực hiện được một vòng tuần hoàn gọi là thời gian chu chuyển của tư bản.

Thời gian chu chuyển của tư bản bao gồm thời gian sản xuất và thời gian lưu thông.

Thời gian sản xuất là thời gian tư bản nằm ở trong lĩnh vực sản xuất. Thời gian sản xuất bao gồm: thời gian lao động, thời gian gián đoạn lao động và thời gian dự trữ sản xuất. Thời gian sản xuất của tư bản dài hay ngắn là do tác động của các nhân tố sau:

- Tính chất của ngành sản xuất, như ngành đóng tàu thời gian sản xuất nhất định phải dài hơn ngành dệt vải; dệt thảm trơn thời gian ngắn hơn dệt thảm trang trí hoa văn.

- Quy mô hoặc chất lượng các sản phẩm, như xây dựng một xí nghiệp mất thời gian dài hơn xây dựng một nhà ở thông thường.

- Thời gian vật sản xuất chịu tác động của quá trình tự nhiên dài hay ngắn.

- Năng suất lao động.

- Dự trữ sản xuất đủ hay thiếu.

- v.v..

Thời gian lưu thông là thời gian tư bản nằm trong lĩnh vực lưu thông. Trong thời gian lưu thông, tư bản không làm chức năng sản xuất, do đó không sản xuất ra hàng hóa, cũng không sản xuất ra giá trị thặng dư. Thời gian lưu thông gồm có thời gian mua và thời gian bán hàng hóa. Thời gian lưu thông dài hay ngắn là do các nhân tố sau đây quy định: thị trường xa hay gần, tình hình thị trường xấu hay

tốt, trình độ phát triển của ngành giao thông vận tải...

Thời gian chu chuyển của tư bản càng ngắn thì càng tạo điều kiện cho giá trị thặng dư được sản xuất ra nhiều hơn, tư bản càng lớn nhanh hơn.

b) Tốc độ chu chuyển của tư bản

Các tư bản khác nhau hoạt động trong những lĩnh vực khác nhau thì số lần chu chuyển trong một đơn vị thời gian (một năm) không giống nhau, nói cách khác, tốc độ chu chuyển của chúng khác nhau.

Tốc độ chu chuyển của tư bản đo bằng số lần (vòng) chu chuyển của tư bản trong một năm.

Ta có công thức tính tốc độ chu chuyển của tư bản như sau:

$$n = \frac{TGn}{TGa}$$

Trong đó:

n: Số lần chu chuyển của tư bản trong 1 năm.

TGn: Thời gian trong năm.

TGa: Thời gian chu chuyển của một tư bản nhất định

Như vậy, tốc độ chu chuyển của tư bản tỉ lệ nghịch với thời gian chu chuyển của tư bản. Muốn tăng tốc độ chu chuyển của tư bản phải giảm thời gian sản xuất và thời gian lưu thông của nó.

Lực lượng sản xuất phát triển, kỹ thuật tiến bộ, những tiến bộ về mặt tổ chức sản xuất, việc áp dụng những thành tựu của hoá học, sinh học hiện đại vào sản xuất, phương tiện vận tải và bưu điện phát triển, tổ chức mậu dịch được cải tiến... cho phép rút ngắn thời gian chu chuyển của tư bản, do đó, tăng tốc độ chu chuyển của tư bản.

3. Tư bản cố định và tư bản lưu động

Các bộ phận khác nhau của tư bản sản xuất không chu chuyển một cách giống nhau. Sở dĩ như vậy là vì mỗi bộ phận tư bản dịch chuyển giá trị của nó vào sản phẩm theo những cách thức khác nhau. Căn cứ vào tính chất chu chuyển khác nhau, người ta chia tư bản sản xuất thành hai bộ phận: tư bản cố định và tư bản lưu động.

Tư bản cố định là một bộ phận của tư bản sản xuất đồng thời là bộ phận chủ yếu của tư bản bất biến (máy móc, thiết bị, nhà xưởng...) tham gia toàn bộ vào quá trình sản xuất, nhưng giá trị của nó không chuyển hết một lần vào sản phẩm mà chuyển dần từng phần theo mức độ hao mòn của nó trong quá trình sản xuất.

Tư bản cố định được sử dụng lâu dài trong nhiều chu kỳ sản xuất và nó bị

hao mòn dần trong quá trình sản xuất. Có hai loại hao mòn là hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình:

Hao mòn hữu hình là hao mòn về vật chất, hao mòn về giá trị sử dụng. Hao mòn hữu hình do quá trình sử dụng và sự tác động của tự nhiên làm cho các bộ phận của tư bản cố định dần dần hao mòn đi tới chỗ hỏng và phải được thay thế.

Hao mòn vô hình là sự hao mòn thuần túy về mặt giá trị. Hao mòn vô hình xảy ra ngay cả khi máy móc còn tốt nhưng bị mất giá vì xuất hiện các máy móc hiện đại hơn, rẻ hơn hoặc có giá trị tương đương, nhưng công suất cao hơn. Để tránh hao mòn vô hình, các nhà tư bản tìm cách kéo dài ngày lao động, tăng cường độ lao động, tăng ca kíp làm việc... nhằm tận dụng máy móc trong thời gian càng ngắn càng tốt.

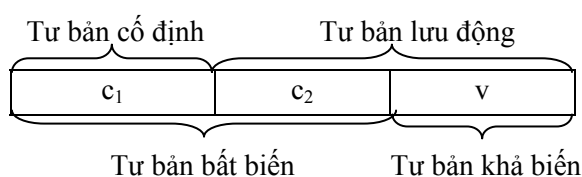
Tăng tốc độ chu chuyển của tư bản cố định là một biện pháp quan trọng để tăng quỹ khấu hao tài sản cố định, làm cho lượng tư bản sử dụng tăng lên tránh được thiệt hại hao mòn hữu hình do tự nhiên phá huỷ và hao mòn vô hình gây ra. Nhờ đó mà có điều kiện đổi mới thiết bị nhanh.

Tư bản lưu động là một bộ phận của tư bản sản xuất, gồm một phần tư bản bất biến (nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu phụ...) và tư bản khả biến (sức lao động.) được tiêu dùng hoàn toàn trong một chu kỳ sản xuất và giá trị của nó được chuyển toàn bộ vào sản phẩm trong quá trình sản xuất.

Tư bản lưu động chu chuyển nhanh hơn tư bản cố định. Việc tăng tốc độ chu chuyển của tư bản lưu động có ý nghĩa quan trọng. Một mặt, tốc độ chu chuyển của tư bản lưu động tăng lên sẽ làm tăng lượng tư bản lưu động được sử dụng trong năm, do đó tiết kiệm được tư bản ứng trước; mặt khác, do tăng tốc độ chu chuyển của tư bản lưu động khả biến làm cho tỷ suất giá trị thặng dư trong năm tăng lên.

Việc phân chia tư bản ứng trước thành tư bản bất biến (c) và tư bản khả biến (v) là dựa vào vai trò của từng bộ phận tư bản trong quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư. ở đây việc phân chia tư bản thành tư bản cố định và tư bản lưu động là đặc điểm riêng của tư bản sản xuất và căn cứ của sự phân chia là phương thức chuyển dịch giá trị của chúng vào sản phẩm trong quá trình sản xuất, hay dựa vào phương thức chu chuyển của tư bản.

Phân chia tư bản theo hình thức của sự chu chuyển:



Trong đó:

c_1 : giá trị máy móc, thiết bị, nhà xưởng...

c_2 : giá trị nguyên, nhiên, vật liệu...

v : giá trị sức lao động.

Việc phân chia tư bản thành tư bản cố định và tư bản lưu động không phản ánh được nguồn gốc sinh ra giá trị thặng dư, nhưng lại có ý nghĩa quan trọng trong quản lý kinh tế. Nó là cơ sở để quản lý, sử dụng vốn cố định, vốn lưu động một cách có hiệu quả cao. Đặc biệt, với sự phát triển của cách mạng khoa học công nghệ, sự đổi mới tiến bộ của thiết bị, công nghệ diễn ra hết sức nhanh chóng, thì việc giảm tối đa hao mòn tài sản cố định, nhất là hao mòn vô hình là đòi hỏi bức xúc đối với khoa học và nghệ thuật quản lý kinh tế.

II- Tái sản xuất tư bản xã hội và khủng hoảng kinh tế

1. Tái sản xuất tư bản xã hội

Trong chủ nghĩa tư bản, các tư bản cá biệt hoạt động độc lập với nhau, đồng thời do sự phân công lao động xã hội, chúng lại có sự liên hệ qua lại với nhau tạo thành tư bản xã hội. Toàn bộ nền kinh tế tư bản có thể xem như hoạt động của một tư bản (xã hội) duy nhất.

Tư bản xã hội là tổng thể các tư bản cá biệt của xã hội vận động trong sự liên kết chặt chẽ và tác động qua lại với nhau.

Như vậy, tư bản xã hội không phải là sự cộng lại một cách máy móc các tư bản cá biệt mà là một tổng thể phức tạp của các tư bản cá biệt trong sự vận động và liên hệ với nhau. Sự vận động của tư bản xã hội được thực hiện cả trong lĩnh vực sản xuất cũng như trong lĩnh vực lưu thông.

Vấn đề thực hiện tổng sản phẩm xã hội cả về mặt giá trị cũng như về mặt hình thái hiện vật là vấn đề trung tâm của tái sản xuất tư bản xã hội, của nền sản xuất xã hội.

Toàn bộ nền sản xuất tư bản chủ nghĩa được phân thành hai khu vực lớn:

- Khu vực I là khu vực sản xuất tư liệu sản xuất.
- Khu vực II là khu vực sản xuất tư liệu tiêu dùng.

Tỷ lệ thực hiện sản phẩm giữa hai khu vực là một trong những tỷ lệ cơ bản của nền kinh tế quốc dân.

2. Điều kiện thực hiện sản phẩm trong tái sản xuất tư bản xã hội

a) Điều kiện thực hiện sản phẩm xã hội trong tái sản xuất giản đơn.

Tái sản xuất giản đơn là quá trình tái sản xuất lặp lại quy mô như cũ, toàn bộ giá trị thặng dư được nhà tư bản tiêu dùng hết cho cá nhân.

Tái sản xuất giản đơn tư bản chủ nghĩa không phải là hình thức sản xuất điển hình của chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên, nghiên cứu tái sản xuất giản đơn là cơ

sở để hiểu tái sản xuất mở rộng sâu hơn.

Khi nghiên cứu các điều kiện thực hiện tái sản xuất tư bản xã hội, C. Mác đã đưa các giả định:

- Nền kinh tế chỉ có phương thức tư bản chủ nghĩa thuần túy gồm hai giai cấp tư sản và vô sản.
- Giá cả hàng hóa mua, bán đúng với giá trị.
- Tỷ suất giá trị thặng dư bằng 100%.
- Cấu tạo hữu cơ (c/v) không thay đổi.
- Toàn bộ tư bản cố định đều chuyển hết giá trị của nó vào sản phẩm trong một năm.
- Không xét đến ngoại thương.

Để quá trình tái sản xuất giản đơn diễn ra bình thường thì toàn bộ sản phẩm của hai khu vực cần được trao đổi, đáp ứng cả về mặt hiện vật, cả về mặt giá trị.

Từ sự phân tích đó, C. Mác đã chỉ ra các điều kiện thực hiện tổng sản phẩm xã hội trong tái sản xuất giản đơn như sau:

Điều kiện thứ nhất: Toàn bộ giá trị mới do lao động sáng tạo ra trong khu vực I phải bằng giá trị bất biến đã hao phí ở khu vực II.

$$I(v + m) = IIc \quad (1)$$

Đây là điều kiện cần thiết để có thể thực hiện được tái sản xuất giản đơn tư bản chủ nghĩa, nó nói lên mối quan hệ giữa hai khu vực trong tái sản xuất giản đơn.

Điều kiện thứ hai: Toàn bộ giá trị sản phẩm của khu vực I phải bằng giá trị tư bản bất biến đã hao phí của cả hai khu vực.

$$I(c + v + m) = Ic + IIc$$

Điều kiện này nói lên vai trò của khu vực I trong tái sản xuất giản đơn.

Điều kiện thứ ba: Toàn bộ giá trị sản phẩm của khu vực II sẽ bằng giá trị mới do lao động sáng tạo ra ở hai khu vực:

$$II(c + v + m) = I(v + m) + II(v + m)$$

Điều kiện này nói lên vai trò của khu vực II trong tái sản xuất giản đơn.

b) Điều kiện thực hiện sản phẩm xã hội trong tái sản xuất mở rộng

Các điều kiện để có thể thực hiện tái sản xuất mở rộng như sau:

Thứ nhất: Tư bản khả biến, tư bản khả biến phụ thêm (v_1) và giá trị thặng dư cho tiêu dùng của nhà tư bản (m_2) của khu vực I phải bằng giá trị tư bản bất biến và tư bản bất biến phụ thêm (c_1) của khu vực II.

$$I(v + v_1 + m_2) = II(c + c_1)$$

Điều kiện này nói lên mối quan hệ giữa hai khu vực trong tái sản xuất mở rộng.

Thứ hai: Toàn bộ giá trị sản phẩm của khu vực I phải đủ trang bị cho tư bản bất biến và tư bản bất biến phụ thêm ở cả hai khu vực.

$$I(c + v + m) = I(c + c_1) + II(c + c_1)$$

Có như vậy cả hai khu vực sản xuất của xã hội mới đủ tư liệu sản xuất và tư liệu sản xuất phụ thêm. Điều kiện này nói lên vai trò của khu vực I trong tái sản xuất mở rộng.

Thứ ba: Toàn bộ giá trị mới của hai khu vực phải bằng giá trị sản phẩm của khu vực II và tư bản bất biến phụ thêm của cả hai khu vực.

$$I(v + v_1 + c_1 + m_2) + II(v + v_1 + c_1 + m_2) = I(v + m) + II(v + m)$$

$$\text{hay: } (I + II)(v + m) = II(c + v + m) + (I + II)c_1$$

Như vậy, thu nhập quốc dân tức là phần giá trị mới sáng tạo ra của xã hội phải đủ cho tiêu dùng và tích lũy mở rộng sản xuất của toàn xã hội. Điều kiện này nói lên vai trò của giá trị mới trong tái sản xuất mở rộng.

Như vậy, việc thực hiện tái sản xuất mở rộng đòi hỏi những tỷ lệ, những phương trình cân đối giữa hai khu vực. Dưới chủ nghĩa tư bản, những tỷ lệ đó hình thành một cách tự phát và thường xuyên bị phá vỡ, nên có thể xảy ra sự mất cân đối giữa các khu vực của nền kinh tế. Nếu sự mất cân đối này không được điều chỉnh để kiến lập sự cân đối mới, tất yếu sẽ dẫn đến hiện tượng khủng hoảng kinh tế.

3. Khủng hoảng kinh tế

Do tác động của quy luật cạnh tranh và sản xuất vô chính phủ, những quan hệ tỷ lệ giữa các ngành sản xuất, các khu vực, các mặt của quá trình tái sản xuất... thường xuyên bị gián đoạn bởi các cuộc khủng hoảng kinh tế, và rồi thông qua các cuộc khủng hoảng kinh tế chủ nghĩa tư bản lại dần dần lập lại được thế cân bằng mới. Cho nên sự phát triển của chủ nghĩa tư bản là sự phát triển mang tính chu kỳ, từ cuộc khủng hoảng này đến cuộc khủng hoảng khác.

Khủng hoảng kinh tế tư bản chủ nghĩa là khủng hoảng sản xuất "thừa". Sản xuất "thừa" ở đây chỉ có ý nghĩa tương đối, nghĩa là "thừa" so với mức eo hẹp tiêu dùng có khả năng thanh toán của quần chúng, không phải "thừa" so với nhu cầu thực tế của xã hội.

Khủng hoảng kinh tế biểu hiện ở chỗ: hàng hóa bị ứ đọng, sản xuất bị thu hẹp, xí nghiệp, thậm chí phải đóng cửa, nạn thất nghiệp tăng lên, thị trường rối loạn... Trong lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản, cuộc khủng hoảng kinh tế

đầu tiên trên thế giới nổ ra ở nước Anh vào năm 1825, sau khi nền đại công nghiệp cơ khí xuất hiện và tiếp theo đó các cuộc khủng hoảng kinh tế nổ ra và mang tính chu kỳ.

Nguyên nhân sâu xa của khủng hoảng kinh tế là mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản - mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất với hình thức chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Khi nền đại công nghiệp cơ khí xuất hiện, thì mâu thuẫn trở nên gay gắt và biểu hiện cụ thể như sau:

a) Mâu thuẫn giữa tính có tổ chức, có kế hoạch trong từng xí nghiệp với tình trạng sản xuất vô chính phủ trong toàn xã hội

Trong từng xí nghiệp, lao động của công nhân được tổ chức và phục tùng ý chí duy nhất của nhà tư bản. Còn trong xã hội, do dựa trên chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, trạng thái vô chính phủ bao trùm tất cả. Các nhà tư bản tiến hành sản xuất mà không nắm được nhu cầu của xã hội, quan hệ giữa cung và cầu bị rối loạn, quan hệ tỷ lệ giữa các ngành sản xuất bị phá hoại nghiêm trọng đến một mức độ nào đó thì nổ ra khủng hoảng kinh tế.

b) Mâu thuẫn giữa xu hướng mở rộng sản xuất vô hạn của chủ nghĩa tư bản với sức mua có hạn của quần chúng lao động

Để theo đuổi lợi nhuận siêu ngạch, các nhà tư bản phải ra sức mở rộng sản xuất, cải tiến kỹ thuật, cạnh tranh gay gắt. Quá trình đó cũng là quá trình bản cùng hoá nhân dân lao động, làm giảm bớt một cách tương đối sức mua của quần chúng, làm cho sức mua lạc hậu so với sự phát triển của sản xuất. Cung và cầu trong xã hội mất cân đối nghiêm trọng, dẫn đến khủng hoảng thừa hàng hóa trên thị trường.

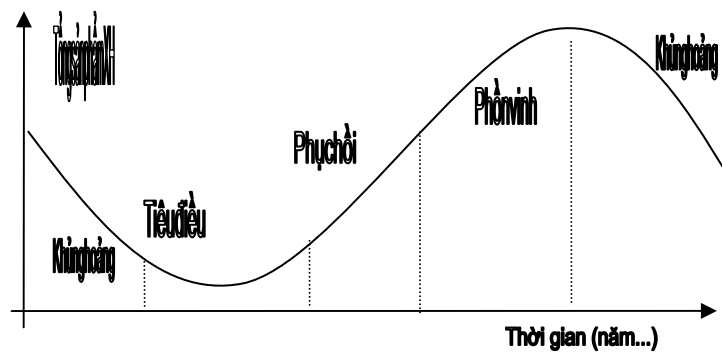
c) Mâu thuẫn đối kháng giữa tư bản và lao động

Đặc điểm của chủ nghĩa tư bản là hai yếu tố của sản xuất tách rời nhau: tư liệu sản xuất tách rời người trực tiếp sản xuất. Sự tách rời đó biểu hiện rõ nhất trong khủng hoảng kinh tế. Trong khi tư liệu sản xuất bị xếp lại, han rỉ, mục nát thì người lao động lại không có việc làm. Một khi tư liệu sản xuất và sức lao động không kết hợp được với nhau thì guồng máy sản xuất tư bản chủ nghĩa tất nhiên bị tê liệt.

Trong các hình thái xã hội tiền tư bản chủ nghĩa, việc sản xuất bị giảm mạnh thường gắn với các tai họa thiên nhiên, hoặc chiến tranh và các tàn phá sau đó bởi nó. Chỉ có chủ nghĩa tư bản mới sinh ra các cuộc khủng hoảng thường xuyên, biến chúng thành người bạn đường không thể tránh khỏi của sự tăng trưởng kinh tế của chủ nghĩa tư bản nhằm giải quyết trong một thời gian có hạn các mâu thuẫn gay gắt của tái sản xuất tư bản xã hội. Các cuộc khủng hoảng kinh tế từng thời kỳ làm rung chuyển nền kinh tế tư bản chủ nghĩa từ lúc chuyển sang sản xuất máy móc quy mô lớn, đã mang lại cho tái sản xuất tư bản xã hội tính chất chu kỳ.

Chu kỳ kinh tế của chủ nghĩa tư bản thường được biểu hiện lặp đi lặp lại từ một cuộc khủng hoảng kinh tế này đến cuộc khủng hoảng kinh tế khác. Tính chu kỳ bao của kinh tế tư bản chủ nghĩa thể hiện sự phát triển tuần hoàn qua các giai đoạn: khủng hoảng, tiêu điều, phục hồi, phồn vinh và lại khủng hoảng, v.v..

Tính chất chu kỳ của tái sản xuất tư bản chủ nghĩa:



Trong mỗi cuộc khủng hoảng các mâu thuẫn của tái sản xuất được biểu hiện ra với sức mạnh tàn phá khác nhau phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế cụ thể trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở các giai đoạn lịch sử phát triển khác nhau của nó. Lịch sử của các cuộc khủng hoảng kinh tế theo chu kỳ đã cho thấy tính quy luật của các cuộc khủng hoảng đối với chủ nghĩa tư bản, cũng như sự khác biệt đáng kể về chiều sâu và hình thức của chúng.

Khủng hoảng nổ ra khi hàng hóa sản xuất ra không thể bán được, tồn kho, ứ đọng lớn, giá cả giảm mạnh. Tư bản đóng cửa nhà máy, đình chỉ sản xuất, công nhân thất nghiệp. Tư bản mất khả năng thanh toán các khoản nợ. Tâm lý hoảng loạn, sự săn đuổi tiền mặt, việc rút tiền ồ ạt khỏi ngân hàng, bán tổng bán tháo các cổ phiếu, trái phiếu làm trị giá của chúng giảm mạnh, thị trường chứng khoán hỗn loạn. Tín dụng thương mại và ngân hàng thu hẹp, trong khi nhu cầu tín dụng tăng lên làm cho tỷ suất lợi tức tăng lên rất cao. Khủng hoảng đã phá huỷ nghiêm trọng lực lượng sản xuất xã hội, người lao động thất nghiệp đông đảo, đời sống hết sức khó khăn...

Tiêu điều là giai đoạn tiếp sau khủng hoảng. Sản xuất ở trạng thái đình trệ, cân bằng được lập lại ở trạng thái thấp, giá cả hàng hóa ở mức thấp. Tiền nhàn rỗi nhiều vì không có nơi đầu tư, tỷ suất lợi tức giảm xuống. Để thoát khỏi trì trệ, các nhà tư bản tìm cách tăng cường bóc lột lao động bằng cách hạ thấp tiền lương, tăng cường độ và thời gian lao động để giảm chi phí sản xuất và đổi mới tư bản cố định. Những đầu tư mới làm tăng nhu cầu về tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng. Điều đó tạo điều kiện cho sự phục hồi chung của nền kinh tế.

Phục hồi là giai đoạn tiếp nối với giai đoạn tiêu điều. Từ tiêu điều chuyển

sang phục hồi nhờ đổi mới tư bản cố định, nền sản xuất dần dần trở lại trạng thái trước khủng hoảng. Công nhân lại được thu hút vào làm việc, giá cả hàng hóa tăng lên, lợi nhuận của tư bản cũng tăng lên.

Phồn vinh là giai đoạn phát triển cao nhất của một chu kỳ kinh tế. Sản xuất mở rộng và phát triển vượt mức cao nhất của chu kỳ trước. Nhu cầu và khả năng tiêu thụ hàng hóa tăng, giá cả hàng hóa tăng lên, số người lao động và tiền lương đều tăng lên. Nhu cầu tín dụng tăng lên làm tỷ suất lợi tức tăng lên. Guồng máy kinh tế dường như hoạt động hết công suất. Điều kiện của một cuộc khủng hoảng mới cũng dần chín muồi.

Trong giai đoạn hiện nay của chủ nghĩa tư bản, do sự can thiệp của nhà nước tư sản, mặc dù không xóa bỏ được khủng hoảng kinh tế, nhưng làm cho nó có đặc điểm mới như:

- Mức độ suy sụp của sản xuất và tác động phá hoại của khủng hoảng bị hạn chế, thời gian tồn tại và độ dài của thời kỳ suy sụp rút ngắn.

- Xuất hiện những hình thức khủng hoảng mới như khủng hoảng cơ cấu (như các cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973), khủng hoảng tài chính, tiền tệ (điển hình là khủng hoảng tài chính - tiền tệ giữa năm 1997 ở ASEAN rồi lan sang Hàn Quốc, Nhật Bản), khủng hoảng môi trường, v.v..

Câu hỏi ôn tập

1. Thế nào là tuần hoàn tư bản? Thế nào là chu chuyển của tư bản? Nêu các biện pháp đẩy mạnh tốc độ chu chuyển của tư bản. Thế nào là tư bản cố định, tư bản lưu động? Phân tích căn cứ và ý nghĩa của việc phân chia cặp phạm trù trên.

2. Thế nào là tái sản xuất tư bản xã hội? Nêu các điều kiện thực hiện sản phẩm xã hội trong tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng.

3. Thế nào là khủng hoảng kinh tế? Phân tích nguyên nhân của khủng hoảng kinh tế và các giai đoạn của một chu kỳ kinh tế.